

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI ĐẦU TƯ  
XÂY LẬP ĐIỆN THỊNH VƯỢNG**  
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018**



**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	02 - 03
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN	04 - 05
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	06
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	07
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	08 - 22



## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Xây lắp điện Thịnh Vượng (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Trần Đình Thắng	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Thành viên
Bà Hoàng Thu Anh	Thành viên

#### **Ban Giám đốc**

Ông Trần Đình Thắng	Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Phó Giám đốc

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Doanh nghiệp với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán và báo cáo tài chính được lập tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Doanh nghiệp và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Theo ý kiến Ban Giám đốc Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Doanh nghiệp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



**Trần Đình Thắng**  
Giám đốc

Ngày 06 tháng 07 năm 2019



Số: 143/VACO/BCKT.HP

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Xây lắp điện Thịnh Vượng

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Xây lắp điện Thịnh Vượng (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 06 tháng 07 năm 2019, từ trang 04 đến trang 22, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### *Trách nhiệm của Ban Giám đốc*

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến của chúng tôi.

### *Ý kiến của Kiểm toán viên*

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)**

*Vấn đề khác*

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 chưa được kiểm toán.



**Nguyễn Hồng Hiên**

**Giám đốc Chi nhánh**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:  
1117-2018-156-1

*Thay mặt và đại diện cho*

**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO  
TẠI HẢI PHÒNG**

*Ngày 06 tháng 07 năm 2019*

**Lương Thị Thúy**

**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 1148-2018-156-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>13.108.120.163</b>	<b>12.792.054.519</b>
<b>I Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>786.465.493</b>	<b>90.144.537</b>
1 Tiền	111		786.465.493	90.144.537
<b>II Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>9.295.236.277</b>	<b>10.552.151.929</b>
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	5.750.228.010	9.928.253.626
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		45.008.267	423.898.303
3 Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	6	3.300.000.000	-
4 Phải thu ngắn hạn khác	136		200.000.000	200.000.000
<b>III Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>7</b>	<b>2.533.101.950</b>	<b>1.891.628.207</b>
1 Hàng tồn kho	141		2.533.101.950	1.891.628.207
<b>IV Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>493.316.443</b>	<b>258.129.846</b>
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151		176.851.816	67.100.136
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		134.243.423	65.781.845
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		182.221.204	125.247.865
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>605.647.263</b>	<b>726.107.487</b>
<b>I Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>605.647.263</b>	<b>726.107.487</b>
1 Tài sản cố định hữu hình	221	8	605.647.263	726.107.487
- Nguyên giá	222		963.681.818	963.681.818
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(358.034.555)	(237.574.331)
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>13.713.767.426</b>	<b>13.518.162.006</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>8.357.499.445</b>	<b>8.213.318.671</b>
<b>I Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>8.357.499.445</b>	<b>8.213.318.671</b>
1 Phải trả người bán ngắn hạn	311	9	2.357.499.433	2.518.731.119
2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	2.000.000
3 Phải trả ngắn hạn khác	319		12	1.440.000
4 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	10	6.000.000.000	5.691.147.552
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>5.356.267.981</b>	<b>5.304.843.335</b>
<b>I Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>11</b>	<b>5.356.267.981</b>	<b>5.304.843.335</b>
1 Vốn góp của chủ sở hữu	411		5.000.000.000	5.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		5.000.000.000	5.000.000.000
2 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		356.267.981	304.843.335
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		304.843.335	174.585.900
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		51.424.646	130.257.435
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>13.713.767.426</b>	<b>13.518.162.006</b>



Trần Đình Thắng  
Giám đốc  
Ngày 06 tháng 07 năm 2019

Phùng Thị Tơ  
Kế toán trưởng

Phùng Thị Tơ  
Người lập biểu



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI ĐẦU TƯ  
XÂY LẬP ĐIỆN THỊNH VƯỢNG**

95 Nguyễn Công Trứ, khu đô thị mới Hòa Vượng,  
Xã Lộc Hòa, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

**MẪU SỐ B 02-DN**

Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số tiền	
			Năm nay	Năm trước
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		52.452.358.248	55.436.598.265
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3 <b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)</b>	10	12	52.452.358.248	55.436.598.265
4 Giá vốn hàng bán	11	13	51.518.560.644	54.268.923.688
5 <b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)</b>	20		933.797.604	1.167.674.577
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21		161.905.238	307.555.383
7 Chi phí tài chính	22		291.138.398	190.089.758
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		291.138.398	190.089.758
8 Chi phí bán hàng	25	14	1.675.663.316	1.808.516.537
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	14	729.256.313	809.883.291
10 <b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + 21 - (25 + 26)}</b>	30		<b>(1.600.355.185)</b>	<b>(1.333.259.626)</b>
11 Thu nhập khác	31		1.689.560.118	1.496.761.113
12 Chi phí khác	32		4.753.626	-
13 <b>Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	40		<b>1.684.806.492</b>	<b>1.496.761.113</b>
14 <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	50		<b>84.451.307</b>	<b>163.501.487</b>
15 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	15	33.026.661	32.953.050
16 <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51)</b>	60		<b>51.424.646</b>	<b>130.548.437</b>
17 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	16	1.028	2.611



Trần Đình Thắng  
Giám đốc  
Ngày 06 tháng 07 năm 2019

Phùng Thị Tơ  
Kế toán trưởng

Phùng Thị Tơ  
Người lập biểu



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>84.451.307</b>	<b>163.501.487</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02	120.460.224	120.460.224
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(161.905.238)	(117.465.625)
Chi phí lãi vay	06	291.138.398	190.089.758
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>334.144.691</b>	<b>356.585.844</b>
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	4.431.480.735	(3.969.199.589)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(641.473.743)	1.916.805.902
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(167.698.335)	(1.658.113.794)
Tăng/giảm chi phí trả trước	12	(109.751.680)	34.511.186
Tiền lãi vay đã trả	14	(291.138.398)	(190.089.758)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(30.000.000)	(20.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>3.525.563.270</b>	<b>(3.529.500.209)</b>
<b>II LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(3.300.000.000)	-
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	161.905.238	748.019
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(3.138.094.762)</b>	<b>748.019</b>
<b>III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	17.100.000.000	25.250.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(16.791.147.552)	(21.894.426.224)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>308.852.448</b>	<b>3.355.573.776</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>696.320.956</b>	<b>(173.178.414)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>90.144.537</b>	<b>263.322.951</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>786.465.493</b>	<b>90.144.537</b>



Trần Đình Thắng  
Giám đốc

Ngày 06 tháng 07 năm 2019

Phùng Thị Tơ  
Kế toán trưởng

Phùng Thị Tơ  
Người lập biểu



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI ĐẦU TƯ  
XÂY LẬP ĐIỆN THỊNH VƯỢNG**

95 Nguyễn Công Trứ, khu đô thị mới Hòa Vượng,  
Xã Lộc Hòa, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

**MÃ SỐ B 09-DN**

Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Xây lắp điện Thịnh Vượng là Doanh nghiệp cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0600446389, thay đổi lần thứ 2 ngày 04/01/2016 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Nam Định cấp.

Vốn Điều lệ của Công ty là 5.000.000.000 đồng.

Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 18 người (tại ngày 01/01/2018 là 20 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là Lắp đặt hệ thống điện, Chi tiết: Xây lắp đường dây và trạm biến áp điện đến 35KV; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình, Chi tiết: Bán buôn văn phòng phẩm; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng, vật tư, thiết bị ngành điện; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Vận tải hành khách đường bộ khác, Chi tiết: Vận tải hành khách theo hợp đồng bằng đường bộ; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác, Chi tiết: Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, thủy lợi; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ, Chi tiết: Xây dựng công trình đường bộ; May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú); Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu têt bện; Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh; Chi tiết: Mua bán hàng thủ công mỹ nghệ, văn phòng phẩm; Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác, Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị thi công công trình; Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông, Chi tiết: Mua bán điện thoại các loại; Hoạt động viễn thông khác, Chi tiết: Đại lý dịch vụ bưu chính, viễn thông; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác, Chi tiết: Mua bán máy móc, thiết bị thi công công trình; Mua bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi), Chuẩn bị mặt bằng, Chi tiết: San lấp mặt bằng; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống, Chi tiết: Mua bán lương thực, hàng nông, lâm thủy hải sản (trừ các loại Nhà nước cấm); Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu, Chi tiết: Mua bán khoáng sản, phân bón nông nghiệp (Trừ các loại nhà nước cấm); Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục); Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Sản xuất sản phẩm từ plastic; Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép; Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu; Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm; In ấn; Dịch vụ liên quan đến in; Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi; Sửa chữa thiết bị liên lạc; Sửa chữa máy móc, thiết bị, Chi tiết: Sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng máy photo, máy văn phòng các loại; Đại lý, môi giới, đấu giá, Chi tiết: Đại lý mua bán, ký gửi các thiết bị ngành bưu chính, viễn thông, linh kiện điện tử; Bán buôn tổng hợp, Chi tiết: Dịch vụ thương mại; Bán buôn đồ uống, Chi tiết: Mua bán bia, rượu, nước ngọt, nước giải khát; (Doanh nghiệp chỉ được hoạt động, kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật ).

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là Xây lắp đường dây và trạm biến áp điện đến 35KV,; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình, Chi tiết: Bán buôn văn phòng phẩm; Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh; Chi tiết: Mua bán hàng thủ công mỹ nghệ, văn phòng phẩm.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**2. KỶ KẾ TOÁN, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Kỷ kế toán**

Kỷ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

**Áp dụng luật kế toán**

Luật Kế toán số 88/2015/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 20 tháng 11 năm 2015 có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2017. Theo quy định tại Điều 28 - Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này, chưa có văn bản hướng dẫn trong việc áp dụng đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, do đó, Công ty chưa áp dụng giá trị hợp lý trong trình bày báo cáo tài chính

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý**

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 2, Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về Đánh giá và Ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; theo đó, Ban Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

*a) Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;*

*b) Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;*

*c) Hàng tồn kho được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;*

*d) Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài các mục a, b, c trên đây) Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.*



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản đầu tư tài chính**

**Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Phương pháp tính giá hàng tồn kho: Nhập trước xuất trước. Hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Theo đánh giá của Ban Giám đốc, trong số dư hàng tồn kho đến ngày 31/12/2018 không có hàng tồn kho nào bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo quy định.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Phương tiện vận tải	08

**Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

**Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI ĐẦU TƯ  
XÂY LẬP ĐIỆN THỊNH VƯỢNG**

95 Nguyễn Công Trứ, khu đô thị mới Hòa Vượng,  
Xã Lộc Hòa, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

**MẪU SỐ B 09-DN**  
Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**4. TIỀN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	109.547.149	75.380.961
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	676.918.344	14.763.576
<b>Cộng</b>	<b>786.465.493</b>	<b>90.144.537</b>

**5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b><i>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</i></b>	<b>5.750.228.010</b>	<b>9.928.253.626</b>
Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại và Phát triển Thuận Hưng	-	1.311.338.509
Công Ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Hoan Hoa	109.985.750	579.985.750
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Anh Kiệt	213.497.753	901.430.383
Công ty TNHH Duyên Hà	-	2.865.552.662
Công Ty TNHH Xuất nhập khẩu Vật tư ngành in	-	2.174.638.510
Công ty TNHH Thương mại Sao Nam	942.662.545	-
Công ty TNHH Văn phòng phẩm TBH	1.480.716.208	286.783.037
Công Ty TNHH Thanh Chương	725.523.530	551.795.883
Công Ty TNHH Thương mại và Dịch vụ An Bảo Nguyên	664.522.805	-
Công Ty TNHH Thiết bị Giáo dục và Đồ chơi Hanaco	614.940.810	-
Công ty TNHH Châu Long	569.348.629	9.493.874
Các đối tượng khác	429.029.980	1.247.235.018
<b>Cộng</b>	<b>5.750.228.010</b>	<b>9.928.253.626</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**6. PHẢI THU VỀ CHO VAY**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<i>Ngắn hạn</i>		
Nguyễn Thị Thanh Hương	3.300.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>3.300.000.000</b>	<b>-</b>
<i>Phải thu cho vay với bên liên quan</i> (chi tiết tại Thuyết minh số 19)		

Phản ánh khoản cho vay theo hợp đồng vay ngày 31 tháng 12 năm 2018 với lãi suất 8%/năm, khoản cho vay được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất lâu dài theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AM 308672 số vào sổ GCN: 13-69302755 do UBND TP Nam Định cấp 08/09/2018 và số AM 279535 số vào sổ GCN: 13-69302754 do UBND TP Nam Định cấp 08/09/2018 tại Khu tái định cư cầu vượt, xã Lộc Hòa, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

**7. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Nguyên liệu, vật liệu	49.966.000	266.442.000
Hàng hóa	2.483.135.950	1.229.067.606
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>2.533.101.950</b>	<b>1.891.628.207</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho</b>	<b>2.533.101.950</b>	<b>1.891.628.207</b>

**8. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Phương tiện vận tải VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	
Số dư đầu năm	963.681.818
Tăng trong năm	-
Số dư cuối năm	963.681.818
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>	
Số dư đầu năm	237.574.331
Khấu hao trong năm	120.460.224
Số dư cuối năm	358.034.555
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	
Số dư đầu năm	726.107.487
Số dư cuối năm	605.647.263



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI ĐẦU TƯ  
XÂY LẬP ĐIỆN THỊNH VƯỢNG**

95 Nguyễn Công Trứ, khu đô thị mới Hòa Vượng,  
Xã Lộc Hòa, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

**MẪU SỐ B 09-DN**

Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**9. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>2.357.499.433</b>	<b>2.357.499.433</b>	<b>2.518.731.119</b>	<b>2.518.731.119</b>
Công ty TNHH Đoàn Hưng	1.008.579.230	1.008.579.230	1.081.062.230	1.081.062.230
Công ty TNHH MTV TMDV Tân Lực Miền Bắc	449.835.889	449.835.889	-	-
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Thiết Bị Và Xây Lắp Điện Thiên Trường	-	-	313.157.276	313.157.276
Phải trả nhà cung cấp khác	899.084.314	899.084.314	1.124.511.613	1.124.511.613
<b>Cộng</b>	<b>2.357.499.433</b>	<b>2.357.499.433</b>	<b>2.518.731.119</b>	<b>2.518.731.119</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI ĐẦU TƯ  
XÂY LẬP ĐIỆN THỊNH VƯƠNG**

95 Nguyễn Công Trứ, khu đô thị mới Hòa Vương,  
Xã Lộc Hòa, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**MÃ SỐ B 09-DN**  
Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

**10. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	Số đầu năm		Phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn	5.691.147.552	5.691.147.552	17.100.000.000	16.791.147.552	6.000.000.000	6.000.000.000
<i>Vay ngắn hạn</i>	5.691.147.552	5.691.147.552	17.100.000.000	16.791.147.552	6.000.000.000	6.000.000.000
Ngân hàng Vietcombank-chi nhánh Nam Định (*)	3.000.000.000	3.000.000.000	9.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000
Ngân hàng TP bank- CN Nam Định	291.147.552	291.147.552	-	291.147.552	-	-
Vay cá nhân	2.400.000.000	2.400.000.000	8.100.000.000	10.500.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>5.691.147.552</b>	<b>5.691.147.552</b>	<b>17.100.000.000</b>	<b>16.791.147.552</b>	<b>6.000.000.000</b>	<b>6.000.000.000</b>

Vay và nợ thuế tài chính từ các bên liên quan  
(Chi tiết tại Thuyết minh số 19)

(\*) Vay ngắn hạn ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Định theo Hợp đồng cấp tín dụng số 01/2018/HĐTD/10632757 ngày 02/8/2018, giới hạn khoản cấp tín dụng là 8 tỷ đồng; khoản vay được sử dụng để bổ sung vốn lưu động và được áp dụng lãi suất theo từng hợp đồng cụ thể; Khoản vay được bảo đảm bởi: Quyền sở hữu đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CM945113, chủ sở hữu: Ông Trần Quý Cường và bà Nguyễn Thị Thanh Hương theo hợp đồng bảo đảm số 01/18/VCB.NDI-TC/7827158 ngày 9/7/2018.



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI ĐẦU TƯ  
XÂY LẬP ĐIỆN THỊNH VƯỢNG**

95 Nguyễn Công Trứ, khu đô thị mới Hòa Vượng,  
Xã Lộc Hòa, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

**MẪU SỐ B 09-DN**  
Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**11. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

*Vốn Điều lệ*

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp, vốn Điều lệ của Công ty là 5.000.000.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, vốn Điều lệ đã được các cổ đông góp đủ. Danh sách các cổ đông của Công ty như sau:

	Thực tế góp cuối năm		Thực tế góp đầu năm	
	VND	(%)	VND	(%)
Ông Trần Đình Thắng	4.000.000.000	80,00	4.000.000.000	80,00
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	750.000.000	15,00	750.000.000	15,00
Bà Hoàng Thu Anh	250.000.000	5,00	250.000.000	5,00
<b>Cộng</b>	<b>5.000.000.000</b>	<b>100</b>	<b>5.000.000.000</b>	<b>100</b>

*Thay đổi trong vốn chủ sở hữu*

	Vốn góp của Chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	5.000.000.000	174.585.900	5.174.585.900
Lợi nhuận trong năm	-	130.257.435	130.257.435
Số dư đầu năm nay	5.000.000.000	304.843.335	5.304.843.335
Lợi nhuận trong năm	-	51.424.646	51.424.646
Số dư cuối năm nay	5.000.000.000	356.267.981	5.356.267.981

**12. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
<i>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	<i>52.452.358.248</i>	<i>55.436.598.265</i>
Doanh thu bán hàng hóa	51.247.845.893	46.320.991.463
Doanh thu xây lắp	1.204.512.355	9.115.606.802
<i>Các khoản giảm trừ doanh thu</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>52.452.358.248</b>	<b>55.436.598.265</b>

**13. GIÁ VỐN**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn hàng bán	50.412.261.263	45.497.258.184
Giá vốn hoạt động xây lắp	1.106.299.381	8.771.665.504
<b>Cộng</b>	<b>51.518.560.644</b>	<b>54.268.923.688</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI ĐẦU TƯ  
XÂY LẬP ĐIỆN THỊNH VƯỢNG**

95 Nguyễn Công Trứ, khu đô thị mới Hòa Vượng,  
Xã Lộc Hòa, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

**MẪU SỐ B 09-DN**  
Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**14. CHI PHÍ BÁN HÀNG, CHI PHÍ QUẢN LÝ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Các khoản chi phí bán hàng</b>	<b>1.675.663.316</b>	<b>1.808.516.537</b>
Chi phí nhân viên	1.016.574.781	962.290.888
Các khoản chi phí bán hàng khác	659.088.535	846.225.649
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</b>	<b>729.256.313</b>	<b>809.883.291</b>
Chi phí nhân viên quản lý	446.183.606	525.153.384
Chi phí khấu hao	120.460.224	120.460.224
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	162.612.483	164.269.683

**15. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho kỳ hiện tại</b>		
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>84.451.307</b>	<b>163.501.487</b>
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>	<b>80.502.000</b>	<b>1.443.762</b>
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	(1.044.791.418)
Cộng : Các khoản chi phí không được khấu trừ	80.502.000	1.046.235.180
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>164.953.307</b>	<b>164.945.249</b>
Thuế suất	20%	20%
<b>Thuế Thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>32.990.661</b>	<b>32.989.049</b>
Truy thu thuế TNDN từ các năm trước	36.000	(36.000)
<b>Chi phí thuế thu nhập hiện hành</b>	<b>33.026.661</b>	<b>32.953.050</b>

**16. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế	51.424.646	130.548.437
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông	51.424.646	130.548.437
Cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong năm	50.000	50.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.028</b>	<b>2.611</b>

Năm 2017, 2018, Công ty chưa có kế hoạch trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ nguồn lợi nhuận sau thuế năm 2017, 2018. Do đó, chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu chưa điều chỉnh bởi ảnh hưởng của việc trích quỹ khen thưởng phúc lợi.

**Cổ phiếu**

	Số cuối năm Cổ phiếu	Số đầu năm Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	50.000	50.000
- Cổ phiếu phổ thông	50.000	50.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	50.000	50.000
Mệnh giá cổ phiếu: 100.000 VNĐ/cổ phần		



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI ĐẦU TƯ  
XÂY LẬP ĐIỆN THỊNH VƯỢNG**

95 Nguyễn Công Trứ, khu đô thị mới Hòa Vượng,  
Xã Lộc Hòa, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

**MẪU SỐ B 09-DN**

Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**17. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên vật liệu	-	4.305.881.000
Chi phí nhân công	1.278.829.000	1.273.664.683
Chi phí khấu hao tài sản cố định	120.460.224	120.460.224
Chi phí khác	2.111.730.651	5.717.859.426
<b>Cộng</b>	<b>3.511.019.875</b>	<b>11.417.865.333</b>

**18. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Các khoản vay	6.000.000.000	5.691.147.552
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(786.465.493)	(90.144.537)
Nợ thuần	5.213.534.507	5.601.003.015
Vốn chủ sở hữu	5.356.267.981	5.304.843.335
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<b>0,97</b>	<b>1,06</b>

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI ĐẦU TƯ  
XÂY LẬP ĐIỆN THỊNH VƯỢNG**

95 Nguyễn Công Trứ, khu đô thị mới Hòa Vượng,  
Xã Lộc Hòa, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

**MẪU SỐ B 09-DN**

Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**18. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	786.465.493	90.144.537
Phải thu khách hàng và phải thu khác	5.950.228.010	10.128.253.626
Tài sản tài chính khác	3.300.000.000	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>10.036.693.503</b>	<b>10.218.398.163</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	6.000.000.000	5.691.147.552
Phải trả người bán và phải trả khác	2.357.499.445	2.520.171.119
<b>Tổng cộng</b>	<b>8.357.499.445</b>	<b>8.211.318.671</b>

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ có thể chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro tỷ giá hay rủi ro lãi suất có thể cao hơn chi phí phát sinh do rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về giá của các công cụ tài chính này trong tương lai.

**Quản lý rủi ro tỷ giá**

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

**Quản lý rủi ro lãi suất**

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI ĐẦU TƯ  
XÂY LẬP ĐIỆN THỊNH VƯỢNG**

95 Nguyễn Công Trứ, khu đô thị mới Hòa Vượng,  
Xã Lộc Hòa, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

**MẪU SỐ B 09-DN**  
Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**18. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*Quản lý rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

*Rủi ro tín dụng*

Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào bởi vì các khoản phải vay áp dụng lãi suất cố định.

*Quản lý rủi ro thanh khoản*

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<b>Dưới 1 năm VND</b>
<b>Số cuối năm</b>	
Tiền và các khoản tương đương tiền	786.465.493
Phải thu khách hàng và phải thu khác	5.950.228.010
Tài sản tài chính khác	3.300.000.000
<b>Cộng</b>	<b>10.036.693.503</b>

	<b>Dưới 1 năm VND</b>
<b>Số đầu năm</b>	
Tiền và các khoản tương đương tiền	90.144.537
Phải thu khách hàng và phải thu khác	10.128.253.626
<b>Cộng</b>	<b>10.218.398.163</b>
Các khoản vay	5.691.147.552
Phải trả người bán và phải trả khác	2.520.171.119
<b>Cộng</b>	<b>11.511.318.671</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(1.292.920.508)</b>

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI ĐẦU TƯ  
XÂY LẬP ĐIỆN THỊNH VƯỢNG**

95 Nguyễn Công Trứ, khu đô thị mới Hòa Vượng,  
Xã Lộc Hòa, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

**MẪU SỐ B 09-DN**  
Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**19. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI BÊN LIÊN QUAN**

*Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:*

**Bên liên quan**

**Mối quan hệ**

Ông Trần Đình Thắng  
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương

Cổ đông lớn, Chủ tịch  
Cổ đông

*Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:*

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
<b>Nguyễn Thị Thanh Hương</b>		
Cho vay ngắn hạn	3.300.000.000	-
Vay ngắn hạn	8.100.000.000	13.250.000.000
Trả tiền vay ngắn hạn	10.500.000.000	12.800.000.000

*Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:*

	<u>Số cuối năm</u> <u>VND</u>	<u>Số đầu năm</u> <u>VND</u>
<b>Nguyễn Thị Thanh Hương</b>		
Cho vay ngắn hạn	3.300.000.000	-
Phải trả tiền vay ngắn hạn	-	2.400.000.000

*Thu nhập của Ban Giám đốc*

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
Lương, thưởng	178.363.462	177.290.385

**20. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh được thu thập từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 chưa được kiểm toán.



Trần Đình Thắng  
Giám đốc

Ngày 06 tháng 07 năm 2019

Phùng Thị Tơ  
Kế toán trưởng

Phùng Thị Tơ  
Người lập biểu